

Tiếp cận khái niệm Triết lí giáo dục đại học

Nguyễn Huy Vị

Trưởng Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh
10 - 12 Đinh Tiên Hoàng, phường Bến Nghé,
quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Email: nguyenhuyvi@gmail.com

TÓM TẮT: Bài viết tìm hiểu nội hàm của khái niệm Triết lí giáo dục đại học của giáo dục thế giới từ xưa đến nay, đồng thời phân tích các triết lí giáo dục đại học theo hướng tiếp cận mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội của giáo dục đại học thế giới ngày nay. Trên cơ sở đó, phân tích các triết lí giáo dục đại học đã có và đang định hướng sự vận hành nền giáo dục đại học Việt Nam theo tiến trình lịch sử của nó.

TỪ KHÓA: Triết lí; triết lí giáo dục; đại học.

→ Nhận bài 29/7/2019 → Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa 25/8/2019 → Duyệt đăng 25/9/2019.

1. Đặt vấn đề

Khái niệm “Triết lí giáo dục (TLGD) đại học (ĐH)” là một phạm trù rộng lớn của giáo dục (GD) học, là một vấn đề cụ thể của TLGD nói chung. Khoảng 15 năm trở lại đây, ở Việt Nam đã có nhiều tranh luận xung quanh vấn đề TLGD nói chung trên diễn đàn khoa học và ngay cả trên nghị trường Quốc hội. Những cuộc tranh luận này xoay quanh 3 câu hỏi: (1) TLGD nói chung và TLGD ĐH nói riêng là gì? (2) Việt Nam đã có một TLGD ĐH hay chưa? (3) Nếu có, thì TLGD ĐH Việt Nam là gì? Trong phạm vi bài viết này, chỉ bàn luận vấn đề ở góc độ từ nguyên và bước đầu tìm hiểu TLGD ĐH theo quan niệm của đời xưa và của thế giới ngày nay, trên cơ sở đó đề xuất một TLGD ĐH phù hợp đối với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam ngày nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tiếp cận với từ nguyên của các khái niệm “Triết lí”; “Triết học” và “Đại học”

Về từ nguyên, theo Đào Duy Anh (Từ điển Hán - Việt, 2001), “Triết lí” (philosophy/ La philosophie) có nghĩa là “đạo lí về triết học”; và “Triết học” (philosophy/ La philosophie) có nghĩa là “thứ học vấn về nguyên lí của vũ trụ và nhân sinh”.

Theo Thái Duy Tuyên (2007), khái niệm Triết học ở Việt Nam được hiểu thông qua một số định nghĩa sau: 1/ Triết học là một hình thái ý thức xã hội là thế giới quan, là hệ thống tư tưởng và quan điểm đối với thế giới và vị trí của con người trong thế giới; 2/ Triết học là một khoa học nghiên cứu các quy luật chung nhất của sự phát triển tự nhiên, xã hội và tư duy; 3/ Triết học là phương pháp luận chung của nhận thức khoa học.

Cũng theo Thái Duy Tuyên (2007): “Theo Từ điển Tiếng Việt, triết lí là: Quan điểm chung của con người về những vấn đề nhân sinh và xã hội. Theo Từ điển Hán - Việt, triết lí là: Lí luận về triết học (triết = trí; lí = lẽ). Từ đó, chúng ta có thể hiểu: Triết lí là những quan điểm được khái quát từ cuộc sống, nhằm chỉ đạo sự suy nghĩ và hành động của con người”.

Theo Phạm Minh Hạc, “Trong ngữ hệ La tinh có thuật ngữ “Philosophy”, tương đương ta có thuật ngữ “Triết học”

và “Triết lí”. Triết học, như chúng ta biết, là một khoa học về nguồn gốc của vật chất và tinh thần..., còn “triết lí”, theo Từ điển Tiếng Việt, Viện Ngôn ngữ học (2007), “cái lí sâu xa mà phải vậy của mọi lí do, mọi sự vật trên đời”.

“TLGD” là gì? Theo Thái Duy Tuyên (2007), TLGD là những quan điểm phản ánh những vấn đề của GD thông qua con đường trải nghiệm từ cuộc sống để chỉ đạo sự suy nghĩ và hành động của con người về các vấn đề GD. Như vậy, triết lí và triết học có sự tương đồng với nhau, nhưng triết lí thường đề cập đến vấn đề cụ thể, còn Triết học là một khoa học được xây dựng từ một hệ thống tư tưởng, quan điểm với các khái niệm, phạm trù, đối tượng và phương pháp riêng.

Phạm Minh Hạc [1] có cách diễn đạt khác nhưng cũng thống nhất với nội hàm của khái niệm Triết học GD mà Thái Duy Tuyên (2007) đã nêu: “TLGD tương đương ngữ hệ Latinh có “Philosophy of Education” hay “Educational Philosophy”, theo từ điển nước ngoài (Bách khoa thư Stanford, Wikipedia), là một phân môn của triết học vận dụng vào GD tạo nên các tư tưởng GD, xác định cách tiếp cận các vấn đề thuộc lĩnh vực GD, như đánh giá vai trò của GD, bản chất của công việc GD, quá trình GD, đường lối, chính sách phát triển GD, nội dung, chương trình GD, phương pháp GD, ...”

Nhưng hơn hết, trong GD học ngày nay nói chung, người ta thường hiểu khái niệm Triết lí (La philosophie) theo định nghĩa của Từ điển Pháp văn của Paul Robert: “Principe générale sur lequel se fondent la réalisation, le fonctionnement d’un système”; có nghĩa là: “Triết lí là nguyên tắc chung làm cơ sở cho việc thực hiện, vận hành một hệ thống” (Vũ Ngọc Hải; Trần Khánh Đức; 2003). Vậy “TLGD” (Philosophy of education) có thể được hiểu là: Nguyên tắc chung làm cơ sở cho việc thực hiện, vận hành một hệ thống GD cụ thể nào đó.

Khái niệm “ĐH” được hiểu như thế nào? Trong tiếng Pháp, “ĐH/Trường ĐH” gọi là L’Université, có nghĩa từ nguyên là hướng về (Vers) một môi (Unité); Vì hướng về một môi, nghĩa là “khi nhiều cái quy tụ lại một, cái một ấy tất phải to, phải đại”. Như vậy, “ĐH là gì? Thưa là cái học to” (Kim Định, 1975). Từ “University” trong tiếng Anh cũng có

nghĩa tương tự như trong tiếng Pháp và đều có nguồn gốc từ tiếng Latinh là *Universitastatis* (= *Toàn vũ trụ*).

Vào thời Trung Hoa cổ đại, người ta phân thành hai cấp trình độ học vấn là Tiểu học và ĐH. Quá trình đào tạo ĐH được tiến hành ở nhà Thái học - tức là trường ĐH hiểu theo nghĩa ngày nay. Từ “ĐH” chính là tên của một bộ sách trong Tứ thư (ĐH, Trung dung; Luận ngữ; Mạnh Tử) của Khổng học. Sách này được xem là sách nhập môn về đạo đức học cho các môn sinh bậc ĐH lúc bấy giờ (Lý Minh Tuấn, 2004).

Đối với Việt Nam, khái niệm “ĐH” có nguồn gốc từ khái niệm ĐH của Trung Hoa cổ đại và được hiểu là: “Bậc học cao hơn hết” (Từ điển Hán - Việt, 2001). Cụ thể hơn, “ĐH là bậc học từ 4-6 năm tiếp sau bậc trung học, đào tạo cán bộ khoa học kĩ thuật có trình độ và khả năng hoạt động nghề nghiệp trong một lĩnh vực chuyên ngành” (Đại từ điển tiếng Việt, 1999).

Như vậy, có thể xác định được định nghĩa của khái niệm “TLGD ĐH” như sau: **TLGD ĐH** là những nguyên tắc chung làm cơ sở cho việc thực hiện, vận hành một hệ thống GD ĐH hoặc một cơ sở GD ĐH cụ thể nào đó. Và có một nhận xét là, khái niệm “**TLGD ĐH**” không phải là điều gì mới lạ, chẳng qua là một cách nói khác của các khái niệm có nội hàm trùng lặp như: “Tư duy GD ĐH” hay “Đường lối GD ĐH” mà lâu nay GD nước nhà vẫn sử dụng mà thôi. Tuy nhiên, trong xu thế hội nhập với nền GD đương đại trên thế giới, có lẽ nên sử dụng khái niệm “TLGD ĐH” là phù hợp và chính xác nhất khi đề cập đến vấn đề này.

2.2. Sơ lược về các “Triết lí giáo dục đại học” theo tiếp cận mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội

Điểm lại lịch sử phát triển của các triết thuyết GD nói chung, trong đó có thành tố nổi trội là TLGD ĐH của nhân loại mà ta đang đề cập. Tùy thuộc vào tình hình phát triển kinh tế - xã hội của mỗi thời đại khác nhau, nhiều TLGD ĐH lần lượt được đề xuất hoặc lập thuyết, gắn liền với mục tiêu phát triển nguồn nhân lực của xã hội đó. Tuy nhiên, người ta có thể phân loại một cách tương đối thành 4 khuynh hướng triết lí như sau: *GD ĐH vì tinh hoa* (Higher Education for elite); *GD ĐH vì nhân lực* (Higher Education for manpower); *GD ĐH vì đại chúng* (Higher Education for mass); *GD ĐH trong xã hội học tập* (Higher Education in learning society) (Theo Vũ Ngọc Hải, Trần Khánh Đức, 2003).

- **GD ĐH vì tinh hoa** là nền GD ĐH cho số ít ưu tú, có sự sàng lọc rất nghiêm ngặt, quý hồ tinh bất quý hồ đa. Ở Châu Âu cổ đại, Platon được xem là người đề xướng khuynh hướng này. Trong khi đó, các nhà nước phong kiến phương Đông chịu ảnh hưởng học thuyết Khổng Tử đều rất kén chọn học trò trong việc thụ nhân. Mục tiêu của GD ĐH tinh hoa là đào tạo ra những nhà chính trị, ra những công chức. Có thể nói rằng, hầu hết các nền GD ĐH của các xã hội nông nghiệp, hoặc tiền công nghiệp đều theo xu hướng tinh hoa. Điều này có cơ sở triết học của nó, đó là sự phù

hợp với yêu cầu về quy mô và chất lượng nhân lực, đồng thời phù hợp với quyền lợi của giai cấp thống trị nền kinh tế - xã hội ấy. Một ví dụ gần gũi minh chứng cho triết lí ĐH tinh hoa dễ dàng được tìm thấy ở mục tiêu “GD ĐH” của Việt Nam đã được diễn ra ở Văn Miếu - Quốc Tử Giám dưới các triều đại phong kiến: “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia”; hoặc được tổ chức đào tạo ở một vài cơ sở GD ĐH hiếm hoi và mang tính hàn lâm, tính chưa hết trên đầu ngón tay, xét trên toàn cõi Việt Nam thời thuộc Pháp.

- **GD ĐH vì nhân lực** là nền GD ĐH lấy việc đào tạo nguồn nhân lực phục vụ sự phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa và dịch vụ làm mục tiêu. Khuynh hướng xây dựng nền ĐH vì nhân lực bắt đầu phát triển mạnh tại các nước công nghiệp ở Châu Âu, Hoa Kỳ vào cuối thế kỉ XIX và ở Liên Xô trong nửa đầu thế kỉ XX. Dĩ nhiên rằng, trong nền GD vì nhân lực tuy có một đặc trưng quan trọng là tính kế hoạch hóa việc phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cần phải được đào tạo, người ta vẫn chú trọng đến tính tinh hoa trong một bộ phận nhất định để làm cơ sở cho sự sáng tạo và phát minh khoa học. Có thể nói, nền GD ĐH nước ta trong giai đoạn 30 năm, 1975-2005, được vận hành theo khuynh hướng triết lí này.

- **GD ĐH đại chúng** là nền GD ĐH được xây dựng tương thích cho một xã hội phát triển và tiến bộ về mọi mặt: Sản xuất, dịch vụ, văn hóa, thông tin liên lạc, giao thông vận tải,... trong một điều kiện khoa học và công nghệ đã phát triển ở trình độ cao. Một xã hội như vậy đòi hỏi phải có một điều kiện học tập rộng rãi, một môi trường học tập thuận lợi cho mọi người nhằm đáp ứng một cách sinh động và phong phú của thị trường sức lao động; GD ĐH phải đáp ứng nhu cầu xã hội.

Một ví dụ tường minh cho TLGD ĐH đại chúng là nền GD ĐH dân chủ của Hoa Kỳ được thể hiện qua hệ thống các trường ĐH Cộng đồng (Community College) mang tính đặc hiệu Mỹ. Cùng với 2.455 trường CĐ và ĐH khác, mạng lưới gồm 1.158 trường ĐH Cộng đồng trải rộng khắp trên 50 tiểu bang của Hoa Kỳ - một đất nước có 250 triệu dân, thì cho con số bình quân 70.000 dân/ 01 trường CĐ - ĐH (Nguyễn Văn Thùy, 1994). Cũng với chỉ số ấy nhưng đối với Việt Nam - một đất nước đến nay (năm 2019) có 97 triệu dân, đang trên đường công nghiệp hóa và có 471 trường CĐ, ĐH (235 trường ĐH; 236 trường CĐ) (Nguồn: Bộ GD&ĐT, 2017), thì bình quân có 206.000 dân/01 trường CĐ - ĐH. Vậy, nếu đem so sánh một cách hết sức hình thức, chưa phải là bản chất của vấn đề, thì nước ta kém gần 3 lần so với Hoa Kỳ về cơ hội học ĐH, CĐ cho mỗi công dân. Bài toán đại chúng hóa ĐH của nước ta còn là một chuyện dài cần phải tiếp tục luận bàn.

- **GD ĐH trong xã hội học tập** (hay còn gọi là *GD ĐH phổ cập*) là nền GD ĐH trên thế giới đang muốn thiết lập nhằm phát huy những cơ hội học tập cho mọi người để đương đầu với những thách thức lớn chưa từng có của nền văn minh nhân loại: Tốc độ phát triển của khoa học kĩ thuật như vũ bão, một ngày bằng 50 năm. Nền kinh tế số thông

minh đã và đang diễn ra trong một “*thế giới phẳng*” của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Hơn nữa, xu thế toàn cầu hóa trên mọi lĩnh vực bên cạnh những mặt tích cực của nó về mặt lý thuyết, nhưng lại chứa đựng nhiều nguy cơ tiềm ẩn về sự bất bình đẳng giữa các dân tộc. Trên thực tiễn, nhân loại đang đối mặt với những khó khăn không dễ gì khắc phục được như: Sự nghèo đói và bệnh tật, sự ngu dốt và bóc lột, các cuộc chiến tranh và khủng bố, sự suy thoái tài nguyên, tai họa và ô nhiễm môi trường thiên nhiên ngày càng nghiêm trọng. Tất cả những vấn nạn ấy chỉ có thể giải hóa được bằng con đường xây dựng một xã hội học tập (Learning Society). Theo đó, GD ĐH phổ cập là một triết lý đương đại được xác lập: “GD ĐH và việc học suốt đời. GD ĐH cùng một lúc là một trong những động lực phát triển kinh tế, vừa là tiêu điểm của việc học trong xã hội. Ngoài ra, nó còn là một công cụ cơ bản để chuyển tải kinh nghiệm văn hóa và khoa học mà loài người đã tích lũy được... Hơn nữa, hiệu quả của canh tân và tiến bộ công nghệ có nghĩa là, kinh tế đòi hỏi sự gia tăng ngày càng nhiều năng lực mà chỉ GD ĐH mới có thể đáp ứng được” (Jacques Delors, 2002).

Cần lưu ý thêm rằng, một tiêu chí mà các chiến lược gia về GD trên thế giới đang sử dụng để phân loại các nền GD ĐH là dựa vào tỉ số sinh viên so với số thanh niên ở độ tuổi học ĐH (18-24 tuổi) của một nước để xác định quy mô GD ĐH của nước đó. Theo đó, một nền GD ĐH được xem là dành cho số ít người (GD ĐH vì tinh hoa) khi tỉ số này thấp hơn 15%; được xem là đại chúng hóa, khi tỉ số này nằm trong khoảng từ 15% đến 50% và nền ĐH của quốc gia nào có tỉ số này cao hơn 50%, thì được gọi là GD ĐH phổ cập (GD ĐH trong xã hội học tập) (theo Vũ Văn Tảo, 2004). Dựa vào tiêu chí ấy, người ta thấy rằng, Hoa Kỳ, Canada, Hàn Quốc và các nước thuộc khối OECD (Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế) đã được xếp vào các quốc gia có nền ĐH phổ cập; Nhật bản, Thái Lan, Philippine, Singapore có nền ĐH đại chúng. Việt Nam đến nay cũng đã bắt đầu bước vào khung của đại chúng hóa ĐH ở mức còn thấp (cỡ 18-20%). Như vậy, có nghĩa là nền GD ĐH nước ta còn nhiều bất bình đẳng. Nền ĐH ấy vẫn chưa đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội phát triển - Một nền GD ĐH còn bất cập với TLGD ĐH nói riêng và đối với TLGD đương đại nói chung mà UNESCO đã đề xướng và cảnh báo là: **GD cho mọi người, GD trong một xã hội học tập**.

2.3. Triết lý giáo dục đại học Việt Nam và sự đổi mới của nó

Nền học vấn ĐH theo Nho học của Việt Nam được chính thức xác lập có tính nhà nước vào năm 1070 dưới triều vua Lý Thánh Tông, được đánh dấu bằng sự kiện thành lập Văn Miếu - Quốc Tử Giám ở Thăng Long, với mục đích đào tạo nhân tài ra làm quan quản lý đất nước. Lịch sử GD nước nhà xem Văn Miếu - Quốc Tử Giám như là trường ĐH đầu tiên của Việt Nam theo quan điểm Khổng học. Vì vậy, TLGD ĐH của suốt thời kì phong kiến cho đến trước khi người Pháp thiết lập nền ĐH hiện đại ở Việt Nam năm 1906 - Viện ĐH Đông Dương - đối với mỗi người đi học là: “*Tu thân, Tế gia, Trị quốc, Bình thiên hạ*”.

TLGD ấy được trình bày trong sách “ĐH” của Nho giáo: “ĐH chi đạo, tại minh Minh Đức, tại thân dân, tại chí u chí thiện”; và để đạt được người “quân tử”, đó là mục đích của GD ĐH Nho giáo, người học phải tu chí rèn luyện theo phương pháp: “Vật cách, nhi hậu tri chí. Tri chí, nhi hậu thành ý. Ý thành, nhi hậu tâm chính. Tâm chính, nhi hậu thân tu. Thân tu, nhi hậu gia tề. Gia tề, nhi hậu quốc trị. Quốc trị, nhi hậu thiên hạ bình.” (Lý Minh Tuấn, 2004).

Lý Minh Tuấn giải nghĩa là: “Đường lối của bậc ĐH ở chỗ làm sáng tỏ năng lực sáng láng, ở chỗ thân yêu mọi người, ở chỗ dừng trong sự tốt lành cùng cực.” và “Sự vật được xét đến cùng rồi sau mới hiểu biết thấu đáo. Hiểu biết thấu đáo rồi sau mới có ý thành thật. Ý thành thật rồi sau mới có lòng chính đáng. Lòng chính đáng rồi sau mới có thân được sửa. Thân được sửa rồi sau mới có nhà được điều chỉnh. Nhà được điều chỉnh rồi sau mới có nước được sửa trị. Nước được sửa trị, rồi sau thiên hạ mới được thái bình”.

Dưới góc độ phương pháp luận, xét về tổng thể, Nho học có những hạn chế nhất định về mặt khoa học, nhưng xét riêng về TLGD của “ĐH”, thì nó vẫn còn giá trị, có sức sống và hữu ích thực tiễn đối với thanh niên trong việc tu dưỡng đức hạnh và thực hành ứng dụng đạo lý vào đời sống, cũng như công việc quản trị xã hội khi họ được phân công.

Trong thời Pháp thuộc, nền GD ĐH ở Việt Nam được người Pháp thiết lập nhằm mục đích đào tạo một số ít công chức phục vụ cho sự thống trị và khai thác thuộc địa ở Đông Dương. Tuy vậy, TLGD ĐH hàn lâm/tinh hoa theo phong cách Pháp đã ghi đậm dấu ấn trong tầng lớp trí thức Việt Nam Tây học lúc bấy giờ, và mãi về sau khi nước nhà độc lập vào 2/9/1945, đó là tính khoa học, nhân bản và chất lượng cao.

Trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), trên nền tảng kinh nghiệm có được từ GD ĐH Pháp thuộc, Chính phủ Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thành lập hệ thống GD ĐH Việt Nam. Tháng 12 năm 1946, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Các trường ĐH và CĐ ở Hà Nội đều lên Việt Bắc. GD ĐH nhất quán vận hành theo triết lý: “Dân tộc, khoa học, đại chúng” để phục vụ “Kháng chiến, kiến quốc” (Bộ GD&ĐT, 2004).

GD ĐH Việt Nam giai đoạn 1955-1975, do đặc điểm lịch sử của cuộc chiến tranh Việt Nam, chia thành 2 trường phái: GD ĐH ở miền Bắc và GD ĐH ở miền Nam.

1/ *GD ĐH ở miền Bắc*: Hệ thống GD ĐH được cấu trúc theo mô hình GD ĐH của Liên Xô (cũ), được vận hành theo TLGD ĐH vì nhân lực; nó được Nhà nước quản lý chặt chẽ và tuyệt đối theo sự chỉ huy tập trung có kế hoạch từ Bộ ĐH và Trung học chuyên nghiệp. Mô hình GD ĐH của Liên Xô (cũ) có 3 nhược điểm lớn là: Thứ nhất, tách biệt công tác nghiên cứu khoa học với việc đào tạo của các trường ĐH; Thứ hai, đào tạo theo chỉ tiêu nhà nước chứ không theo nhu cầu xã hội; Thứ ba, đào tạo chuyên sâu ngay từ năm thứ nhất ĐH; Kiến thức tích lũy được của sinh viên tốt nghiệp được sử dụng suốt đời, khó chuyển đổi chuyên môn, không liên thông và tồn tại cơ chế trường ĐH thuộc Bộ chủ quản có tính cát cứ.

2/ *GD ĐH ở miền Nam*: Hệ thống GD ĐH lúc đầu được cấu trúc theo mô hình GD ĐH Pháp, được tổ chức thành những đơn vị tự trị (tự chủ) gọi là Viện ĐH (*L'Université*), sau đó chuyển dần sang mô hình ĐH đa ngành (*University*) của Mĩ (Bộ GD&ĐT, 2004).

“Ở miền Nam, khi ghi trong hiến Pháp năm 1967 là “Nền GD ĐH được tự trị”, các nhà làm chính sách GD đã xác nhận sự cần thiết phải hội nhập với thế giới dân chủ, nhất là theo mô hình của Mĩ” (Lê Xuân Khoa, 2011). Vì vậy, trước năm 1970, TLGD ĐH của miền Nam theo truyền thống TLGD ĐH cổ điển của Pháp mang tính tinh hoa/hàn lâm; từ năm 1971, theo TLGD dân chủ, phổ cập của Hoa Kì. Hệ thống GD ĐH được phân tầng chất lượng và tuân theo 3 nguyên tắc đã tuyên ngôn: “Nhân bản; Dân tộc; Khai phóng”. Vẫn theo Lê Xuân Khoa (2010):

- *GD nhân bản* lấy con người làm cứu cánh nên chú trọng vào việc xây dựng đạo làm người, phát triển mầm mống tốt ở con người đúng như định nghĩa trong sách ĐH của Nho giáo (“*ĐH chi đạo, tại minh Minh Đức, tại thân dân, tại chí u chí thiện*”);

- *GD dân tộc* nhằm bồi dưỡng tinh thần hiếu hòa nhưng nhiệt tình yêu nước của giống nòi Lạc Hồng qua hơn hai ngàn năm lịch sử, bảo tồn và phát huy những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc;

- *GD khai phóng* tiếp thu những tri thức khoa học, kĩ thuật và tinh hoa văn hóa các nước Tây phương một cách không định kiến. Mặt khác, một đặc điểm của tinh thần khai phóng là quyền tự do nghiên cứu sáng tạo và giảng dạy/học tập của giảng viên và sinh viên. Hơn nữa, tinh thần GD khai phóng còn hàm nghĩa là GD nhằm tạo ra con người tự do. Nó dựa trên khái niệm các môn học khai phóng (*Liberal Arts*) trong thời Trung cổ, hay gần hơn là chủ nghĩa tự do trong thời Khai sáng. GD khai phóng là một TLGD cung cấp cho các cá nhân sinh viên một nền tảng kiến thức rộng và những kĩ năng có thể chuyển đổi được và một cảm nhận mạnh mẽ về các giá trị, đạo đức và can dự vào đời sống công dân... Phạm vi GD khai phóng có thể bao gồm một chương trình học GD tổng quát cung cấp cơ hội tiếp cận nhiều lĩnh vực học thuật và nhiều chiến lược học tập, bên cạnh chương trình học chuyên sâu trong ít nhất một lĩnh vực học thuật nào đó (Theo Wikipedia.org).

Có thể nói rằng, năm 2004 là năm đánh dấu chính thức sự đổi mới TLGD ĐH của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Trong năm 2004, đã diễn ra rất nhiều tranh luận, trao đổi khoa học về nhu cầu và quan điểm trong đổi mới TLGD ĐH Việt Nam, đặc biệt đáng chú ý là hai hội thảo cấp quốc gia và quốc tế có sự tham dự của nhiều chuyên gia GD ĐH khắp năm châu trên toàn thế giới. Đó là, Hội thảo “Đổi mới GD ĐH Việt Nam - Hội nhập và thách thức” do Bộ GD&ĐT tổ chức vào tháng 3 năm 2004 và Diễn đàn quốc tế về GD Việt Nam: “Đổi mới GD ĐH và hội nhập quốc tế” (International forum on Vietnam education: Higher education reform and international integration) do Hội đồng Quốc gia GD chủ trì vào tháng 6 năm 2004. Các

hội thảo và diễn đàn này đều được diễn ra ở Thủ đô Hà Nội. Tại hai diễn đàn khoa học này, các nhà nghiên cứu và chiến lược GD nước ta đều đi đến nhất trí rằng: “Trong 17 năm đổi mới GD ĐH Việt Nam đã có được một số thành tựu đáng kể thông qua việc thực hiện chính sách chủ trương đổi mới. Tuy nhiên, nền GD ĐH nước ta chưa thoát khỏi hết ảnh hưởng của GD Nho giáo (khoa bảng, bằng cấp), của GD hàn lâm, tinh hoa. GD ĐH chưa thực sự là của dân, do dân và vì dân, chưa thật có quan hệ hữu cơ với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, chưa thật gắn với thị trường lao động... Nền ĐH Việt Nam còn thua kém nhiều so với một số nước trong khu vực và trên thế giới” (Vũ Ngọc Hải; 2004). Như vậy, đứng trước một nhu cầu bức xúc và khách quan có tính quyết định đến vận mệnh của đất nước trong điều kiện nền kinh tế - xã hội có tính toàn cầu hiện nay, “GD nói chung, đặc biệt GD ĐH nói riêng phải đổi mới mạnh mẽ từ TLGD đến nội dung, phương pháp, chương trình và cơ chế quản lí.” (Trần Quốc Toàn, 2004).

Trên cơ sở các phân tích khoa học về tình hình chính trị và kinh tế - xã hội của Việt Nam nằm trong tương quan chung của bối cảnh toàn cầu, một triết lí mới tương thích của GD ĐH Việt Nam phải được xác lập là: “Xu thế của GD ĐH Việt Nam là dần dần chuyển từ nền GD tinh hoa sang nền GD cho số đông (GD đại chúng)” (Trần Quốc Toàn; 2004). Và một trong những giải pháp tích cực, khả thi và phù hợp với điều kiện nước ta là: “Đẩy mạnh xã hội hóa GD, xây dựng một xã hội học tập... Mặc dù vậy, GD ĐH cần phải phân tầng trong đào tạo: Một mặt hướng mục tiêu vào ĐH đại chúng, mặt khác phải chú trọng đến đào tạo tinh hoa, đào tạo nhân tài.” (Bành Tiến Long và Đào Chí Hiếu, 2004).

Thật vậy, nếu năm 1986 đánh dấu mở đầu giai đoạn chuyển đổi của nền kinh tế Việt Nam, từ một nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lí của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thì năm 1987 được ghi nhận là năm xuất phát đổi mới nền GD ĐH và Nghề nghiệp (GDĐH&NN) của nước ta được khởi đi từ Hội nghị Hiệu trưởng ĐH, năm 1987 tại thành phố Nha Trang. Chính tại hội nghị này, Bộ ĐH - Trung học chuyên nghiệp và Doanh nghiệp đã nêu lên 4 tiền đề định hướng đổi mới GDĐH&NN. Sau này, Đại hội VIII Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1996 đã thừa nhận trở thành chủ trương của Đảng về đổi mới GDĐH & NN ở nước ta, như sau: 1/ GD ĐH và chuyên nghiệp (GDĐH&CN) không chỉ đáp ứng nhu cầu của biên chế Nhà nước và kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, mà còn phải đáp ứng nhu cầu của các thành phần kinh tế khác và đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân; 2/ GDĐH&CN không chỉ dựa vào ngân sách Nhà nước mà còn dựa vào các nguồn lực khác có thể huy động được: Sự đóng góp của các cơ sở sản xuất kinh doanh, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, của cộng đồng, của người học (học phí)...; 3/ GDĐH&CN không chỉ theo chỉ tiêu kế hoạch tập trung như một bộ phận của kế hoạch nhà nước,

mà còn phải làm kế hoạch theo những đơn đặt hàng, những xu thế dự báo, những nhu cầu học tập từ nhiều phía trong xã hội; 4/ GDDH&CN không nhất thiết phải gắn chặt với việc phân phối công tác cho người tốt nghiệp theo cơ chế hành chính bao cấp; Người tốt nghiệp có trách nhiệm tự tìm việc làm, tự tạo việc làm trong mọi thành phần kinh tế;... (Theo Trần Hồng Quân, 1996).

Tinh thần cốt lõi của 4 tiền đề định hướng đổi mới GDDH&NN nêu trên chính là GD ĐH Việt Nam đã bắt đầu chuyển từ TLGD ĐH vì nhân lực sang TLGD ĐH đại chúng. Minh chứng cho nhận định này là sự phát triển với tốc độ nhanh về số lượng và loại hình trường ĐH và CĐ để đáp ứng sự tăng trưởng rất nhanh của nhu cầu học CĐ, ĐH của xã hội nước ta trong giai đoạn sau năm 2000 đến nay, mà ở đó có một minh chứng rất thuyết phục, đó là sự ra đời của mô hình trường cộng đồng bậc ĐH: 21 trường CĐ cộng đồng (Community College) và 19 trường ĐH Địa phương (Provincial/Local University) (Theo Nguyễn Huy Vị, 2019). Ngoài ra, mạng lưới trường CĐ, ĐH tư thục/ngoài công lập cũng tăng trưởng rất nhanh cùng với loại hình trường ĐH, CĐ có yếu tố nước ngoài được xuất hiện ngày càng nhiều. Tất cả chương trình đào tạo ĐH, CĐ đều chuyển đổi sang hệ thống tín chỉ; Tái cấu trúc hệ thống GD Quốc dân theo hướng mở, liên thông, phân tầng và kiểm định chất lượng, tạo điều kiện cho mọi công dân đều được học tập ở mọi lúc, mọi nơi và suốt đời; Xây dựng xã hội học tập.

3. Kết luận

Với sứ mệnh và TLGD rõ ràng, phù hợp, có tính biểu cảm cao sẽ là kim chỉ nam và là ngọn cờ vẫy gọi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học đạt hiệu quả và chất lượng đối với GD ĐH của một đất nước theo tinh thần ĐH tự chủ. TLGD ĐH cùng với sứ mệnh phải tuyên bố của mỗi trường ĐH ngày nay đã trở thành một thành tố quan trọng, mang tính triết học và văn hóa quản trị ĐH, trong chiến lược phát triển của mỗi cơ sở GD ĐH mà bất kì bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GD ĐH nào cũng đã ghi thành một tiêu chí bắt buộc.

Việt Nam - một đất nước có 4000 năm văn hiến, gần 2500 năm lịch sử hình thành và phát triển, có trên 900 năm nền học vấn ĐH - nhất định, TLGD ĐH của quốc gia đã được xác lập và tương thích với mục tiêu GD ĐH theo từng thời kì lịch sử đất nước. Tuy lịch sử GD ĐH Việt Nam cũng có những khúc quanh theo thăng, trầm của lịch sử dân tộc, song một biểu đồ phát triển đồng biến với sự phát triển của nền kinh tế - xã hội đất nước là điều được khẳng định. Ngày nay, TLGD ĐH phù hợp cho Việt Nam phải là GD ĐH đại chúng nếu nói theo tiếp cận mục tiêu đào tạo và nếu nói theo tiếp cận phương pháp đào tạo, mặc nhiên nền GD ĐH tiến bộ phải được vận hành theo TLGD khai phóng, bởi vì bài học lịch sử thành công của ĐH Humboldt - Berlin vô cùng giá trị cho GD ĐH nhân loại, đó là: “*Chuyên môn sâu trên nền một văn hóa rộng*” (Theo Bùi Văn Nam Sơn, 2011).

Tài liệu tham khảo

- [1] www.vietnammarcom.edu.vn.
- [2] Đào Duy Anh, (2001), *Từ điển Hán Việt*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2004), *Giáo dục đại học Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [4] Kim Định, (1975), *Triết lý giáo dục*, NXB Ca dao, Sài Gòn.
- [5] Jacques Delors, (2002), *Học tập: Một kho báu tìm ẩn*, Báo cáo gửi UNESCO của Ủy ban Quốc tế về Giáo dục thế kỉ XXI, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [6] Phạm Minh Hạc - Trần Kiều - Đặng Bá Lãm - Nghiêm Đình Vỹ, (2002), *Giáo dục thế giới đi vào thế kỉ XXI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [7] Vũ Ngọc Hải - Trần Khánh Đức, (2003), *Hệ thống giáo dục hiện đại trong những năm đầu thế kỉ XXI*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [8] Vũ Ngọc Hải, (2004), *Cải cách giáo dục đại học Việt Nam phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, từng bước xây dựng, phát triển nền kinh tế tri thức định hướng xã hội chủ nghĩa*, Kì yếu Hội thảo Đổi mới Giáo dục đại học Việt Nam - Hội nhập và thách thức, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.
- [9] Nguyễn Như Ý (chủ biên), (1999), *Đại từ điển Tiếng Việt*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
- [10] Lê Xuân Khoa, (2011), *Đại học miền Nam trước 1975 - Hồi tưởng và nhận định*, Kì yếu Đại học Humboldt 200 năm (1810-2010) - Kinh nghiệm thế giới và Việt Nam, NXB Tri Thức, Hà Nội.
- [11] Đặng Bá Lãm, (2003), *Giáo dục Việt Nam những thập niên đầu thế kỉ XXI - Chiến lược phát triển*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [12] Bành Tiên Long - Đào Chí Hiếu, (6/2004), *Đổi mới Giáo dục đại học Việt Nam và chiến lược hội nhập quốc tế*, Các báo cáo tham luận Diễn đàn quốc tế về GD ĐH Việt Nam: Đổi mới Giáo dục đại học và hội nhập quốc tế, Hội đồng Quốc gia Giáo dục, Hà Nội.
- [13] Trần Hồng Quân, (1996), *Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 1996 - 2000 và định hướng đến 2020, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- [14] Bùi Văn Nam Sơn, (2011), *Lí tưởng giáo dục Humboldt: Mô hình hình hay huyền thoại?*, Kì yếu Đại học Humboldt 200 năm (1810 - 2010) - kinh nghiệm thế giới và Việt Nam, NXB Tri thức, Hà Nội.
- [15] Vũ Văn Tào, (2004), *Những yêu cầu mới đối với chất lượng giáo dục theo quan điểm chất lượng là sự phù hợp với mục tiêu*, Kì yếu Hội thảo chất lượng giáo dục và vấn đề đào tạo giáo viên, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [16] Trần Quốc Toàn, (2004), *Đổi mới Giáo dục đại học Việt Nam*, Các báo cáo tham luận Diễn đàn quốc tế về giáo dục Việt Nam: Đổi mới Giáo dục đại học và hội nhập; Hội đồng Quốc gia Giáo dục, Hà Nội.
- [17] Nguyễn Văn Thù, (1994), *Bàn về đại học cộng đồng*, Okemos Michigan.
- [18] Lí Minh Tuấn, (2003), *Đại học thuyết minh*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
- [19] Thái Duy Tuyên, (2007), *Triết học Giáo dục Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[20] Nguyễn Huy Vi, (2019), *Phát triển mô hình trường cao đẳng cộng đồng và trường đại học địa phương ở Việt Nam*, Kí yếu Hội thảo khoa học quốc gia: “Sắp xếp mạng lưới giáo dục đào tạo trong bối cảnh tự chủ giáo dục và hội nhập quốc tế, đáp ứng nhu cầu nhân lực cho sự nghiệp

công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong các thập niên đầu của thế kỉ XXI”- Hiệp hội các trường cao đẳng, đại học Việt Nam, Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội (ngày 12 tháng 6 năm 2019), NXB Thông tin - Truyền thông, Hà Nội.

AN APPROACH TO THE PHILOSOPHY OF HIGHER EDUCATION CONCEPT

Nguyen Huy Vi

University of Social Sciences and Humanities -
VNU, Ho Chi Minh City
10-12 Dinh Tien Hoang, Ben Nghe ward,
district 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
Email: nguyenhuyvi@gmail.com

ABSTRACT: *The paper presents the philosophy of higher education concept in the world education system so far, and analyzes the philosophy of higher education towards the human resource-training approach of higher education all over the world today in general and in Vietnam in particular. On that basis, the author examines the development of Vietnamese higher education based on the orientation of these existing higher education theories through its historical process.*

KEYWORDS: Philosophy; Philosophy of Education; Higher Education.